Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số: 722 /QĐ-UBND ngày 20/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (08 TTHC CẤP TỈNH)

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
01	Thủ tục thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù	***Trường hợp 1: Không cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế*** - 03 ngày làm việc để kiểm tra hồ sơ và thông báo kết quả tiếp nhận hồ sơ; - 05 ngày làm việc để tổ chức, cá nhân có văn bản đồng ý hoặc không đồng ý đối với dự toán kinh phí. Trường hợp không thống nhất được dự toán kinh phí thì cơ quan có thẩm quyền dừng xử lý và trả hồ sơ; - 15 ngày làm việc để thành lập Hội đồng; - 15 ngày làm việc để tổ chức họp Hội đồng; - 05 ngày làm việc để ban hành thông báo kết quả. ***Trường hợp 2: Cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế*** - 03 ngày làm việc để kiểm tra hồ sơ và thông báo kết quả tiếp nhận	**- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả:** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; **- Cơ quan thực hiện:** Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: số 01 đường Mai Thế Chuẩn, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết qua dịch vụ Bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	Không quy định	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; - Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Luật số 115/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 11/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù, Nhà nước mua và phổ biến công nghệ.

		hồ sơ; - 05 ngày làm việc để tổ chức, cá nhân có văn bản đồng ý hoặc không đồng ý đối với dự toán kinh phí. Trường hợp không thống nhất được dự toán kinh phí thì cơ quan có thẩm quyền dừng xử lý và trả hồ sơ; - 15 ngày làm việc để thành lập Hội đồng; - 15 ngày làm việc để tổ chức họp Hội đồng; - 10 ngày làm việc để cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) gửi văn bản đến tổ chức, cá nhân yêu cầu giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế, căn cứ ý kiến của Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ; - 15 ngày làm việc để tổ chức, cá nhân giải trình, làm rõ hoặc bố trí kiểm tra thực tế; - 10 ngày làm việc để Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ họp sau khi nhận được hồ sơ giải trình, làm rõ của tổ chức, cá nhân; - 05 ngày làm việc để ban hành thông báo kết quả.				

02	Thủ tục đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ (trường hợp sửa đổi, bổ sung); - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới; - 15 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới được thành lập, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới; - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản họp của Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới, cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh ban hành thông báo kết quả công nhận công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.	**- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả:** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; **- Cơ quan thực hiện:** Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: số 01 đường Mai Thế Chuẩn, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết qua dịch vụ Bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	Không quy định	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026; - Thông tư số 12/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ và báo cáo liên quan đến thủ tục về phát triển nguồn cung, nguồn cầu của thị trường khoa học và công nghệ.

03	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	**- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả:** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; **- Cơ quan thực hiện:** Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: số 01 đường Mai Thế Chuẩn, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết qua dịch vụ Bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	Không quy định	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện.
04	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ				
05	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ				
06	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ				
07	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ				
08	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ				

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (04 TTHC CẤP TỈNH)

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
01	Chấp thuận chuyển giao công nghệ. Mã TTHC: 1.013918	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	**- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả:** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; **- Cơ quan thực hiện:** Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: số 01 đường Mai Thế Chuẩn, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn;	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết qua dịch vụ Bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	Mức thu phí thẩm định đối với xem xét, chấp thuận chuyển giao công nghệ là 10 (mười) triệu đồng	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; - Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026.
02	Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ. Mã TTHC: 1.013927	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			Mức thu phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ để cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng	

03	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) Mã TTHC: 2.002248	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	**- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả:** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; **- Cơ quan thực hiện:** Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: số 01 đường Mai Thế Chuẩn, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết qua dịch vụ Bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn.	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; - Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026.
04	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) Mã TTHC: 2.002249	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 (ba) triệu đồng.	

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (11 TTHC CẤP TỈNH)

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Số thứ tự tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
01	1.013931	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Số thứ tự 03 Mục VI Phụ lục ban hành kèm Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 29/6/2025	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ
02	1.013933	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Số thứ tự 04 Mục VI Phụ lục ban hành kèm Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 29/6/2025	
03	1.013936	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Số thứ tự 05 Mục VI Phụ lục ban hành kèm Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 29/6/2025	
04	1.013939	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Số thứ tự 06 Mục VI Phụ lục ban hành kèm Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 29/6/2025	
05	1.013940	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Số thứ tự 07 Mục VI Phụ lục ban hành kèm Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 29/6/2025	
06	1.013943	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Số thứ tự 08 Mục VI Phụ lục ban hành kèm Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 29/6/2025	
07	2.001137	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	Số thứ tự 05 Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ Phần I Phụ lục ban hành kèm Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 13/02/2026	
08	1.011816	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	Số thứ tự 08 Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ Phần I Phụ lục ban hành kèm Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 13/02/2026	
09	1.011815	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	Số thứ tự 07 Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ Phần I Phụ lục ban hành kèm Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 13/02/2026	

10	1.011814	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Số thứ tự 06 Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ Phần I Phụ lục ban hành kèm Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 13/02/2026	Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ
11	1.011812	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân	Số thứ tự 04 Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ Phần I Phụ lục ban hành kèm Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 13/02/2026	